

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP A2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kế toán

Năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

1. Tên học phần: Kế toán doanh nghiệp A2**2. Mã học phần:** KTOAN 327**3. Số tín chỉ:** 3 (2, 1)**4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ ba**5. Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp: 60 tiết (Lý thuyết: 30 tiết, Thực hành: 30 tiết)

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong môn Nguyên lý kế toán A, Kế toán doanh nghiệp A1.**7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Vũ Thị Lý	0976.365.265	lyvu1985@gmail.com
2	ThS. Đinh Thị Kim Thiết	0389.037.289	duongkhanh2010@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	0977.567.238	quynhnguyenneu@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Kế toán doanh nghiệp A2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các loại chứng từ, tài khoản sử dụng và các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn	3	[1.2.1.2a]
MT1.2	Trình bày được các loại chứng từ, tài khoản sử dụng và các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ.	3	

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Có khả năng nhận diện chứng từ, tài khoản kế toán liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.	3	[1.2.2.1]
MT2.2	Có kỹ năng lập chứng từ kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán khác nhau tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội.	5	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	5	[1.2.3.1]
MT3.2	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Hiểu được các nguyên tắc kế toán, nội dung, kết cấu của các tài khoản kế toán.	2	[2.1.4]
CDR1.2	Nhận diện được các chứng từ kế toán có liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn; nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong hoạt động của doanh nghiệp.	3	
CDR1.3	Xác định được các tài khoản kế toán tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	5	
CDR1.4	Nhận biết được sổ sách kế toán các tài khoản liên quan theo từng hình thức kế toán và hiểu được quy trình ghi sổ chung đối với các hình thức kế toán.	3	[2.1.6]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; tài sản cố định, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác, các khoản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ,... trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau.	3	[2.2.1]
CDR2.2	Lập được một số chứng từ có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.	3	[2.2.5]
CDR2.3	Ghi được một số loại sổ kế toán liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; tài sản cố định, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác, các khoản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ,... phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.	5	[2.2.7]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	<p>Chương 1. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.2. Phân loại và nguyên tắc đánh giá vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.3. Kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.4. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</p>	X	X	X	X	X	X	X	X
2	<p>Chương 2. Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>2.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định</p> <p>2.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định</p> <p>2.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định</p> <p>2.4. Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định</p> <p>2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</p> <p>2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</p> <p>2.7. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài</p> <p>2.8. Kế toán bất động sản đầu tư</p> <p>2.9. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>2.10. Kế toán chi phí trả trước</p> <p>2.11. Kế toán ký quỹ, ký cược</p>	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà...

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được nửa chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên giới thiệu học phần, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến học phần. Giới thiệu nội dung cốt lõi của học phần, của từng chương, sau mỗi chương có tổng kết. Sử dụng bài giảng điện tử và các dụng cụ khác giảng dạy, phản hồi đầy đủ và kịp thời kết quả thảo luận, kết quả kiểm tra, thi.

Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: Thuyết trình, đàm thoại, phương pháp giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, phương pháp động não, tổ chức học theo nhóm.

Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện, làm bài tập cá nhân, theo nhóm, giải quyết các vấn đề, thảo luận theo nhóm. Trong quá trình học tập, sinh viên được

khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm dưới nhiều hình thức khác nhau. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan về kế toán, các chuẩn mực kế toán, luật kế toán, các thông tư, nghị định liên quan.
- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.
- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.
- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.
- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Kế toán doanh nghiệp A2*.

- Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS. Võ Văn Nhi, (2018), *Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.

[3] Bộ tài chính (2014), *Thông tư 200/TT- BTC* ban hành ngày 22/12/2014.

15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>Chương 1. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</p> <p>Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; xác định được giá xuất kho theo các phương pháp và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của vật liệu và công cụ dụng cụ</p> <p>1.1.2. Yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ</p>	2	2	[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1]: Chương 1, mục 1.1 -1.3 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 3, mục 1, 2 trang 91 - 98, 115 - 117 - Nghiên cứu tài liệu [3]: TK 152, 153 - Lập danh mục nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất gạch, may mặc

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>1.2. Phân loại và nguyên tắc đánh giá vật liệu, công cụ dụng cụ.</p> <p>1.2.1. Phân loại vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.2.2. Đánh giá vật liệu và công cụ dụng cụ</p> <p>Bài thực hành số 1: Xác định trị giá xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ theo các phương pháp tính đơn giá xuất kho</p>				
2	<p>1.3. Kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.3.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>1.3.2. Sổ kế toán chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ</p> <p>1.3.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ</p> <p>Bài thực hành số 1 (tiếp): Căn cứ vào phương pháp tính giá, ghi sổ kế toán chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ</p>	2	2	[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1]: chương 1, mục 1.1 -1.3 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 3, mục 1, 2 trang 91 - 98, 115 - 117 - Nghiên cứu tài liệu [3]: TK 152, 153 - Lập danh mục nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất gạch, may mặc
3	<p>1.4. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.4.1. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên</p> <p>Bài thực hành số 2: Định khoản và ghi sổ cái tài khoản 152, 153.</p>	2	2	[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1]: chương 1, mục 1.4.1 - Làm bài tập chương 1, tài liệu [1] - [2]: Chương 3, mục 1.3 trang 99 -114, mục 2.3 trang 118 - 120 - Nghiên cứu tài liệu [3]: TK152, 153 - Sinh viên định khoản và lập được sổ chi tiết từng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
4	<p>1.4.1. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên (tiếp)</p>	2	2	[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1]: chương 1, mục 1.4.1 - Làm bài tập chương 1, tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Bài thực hành số 3: Ghi sổ chi tiết tài khoản 152, 153, sổ nhật ký chung và ghi sổ cái tài khoản 152, 153.				[2]: Chương 3, mục 1.3 trang 99 -114, mục 2.3 trang 118 - 120 - Nghiên cứu tài liệu [3]: TK152, 153 - Sinh viên định khoản được các nghiệp vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
5	1.4.2. Kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ Bài thực hành số 4: Định khoản và ghi sổ cái tài khoản 611.	2	2	[1] [2] [3]	- Đọc tài liệu [1] chương 1 mục 1.4.2 - Tra cứu tài liệu [2] chương 3, trang 98- 103 - Nghiên cứu tài liệu [3]: TK 611. - Lập sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ
6	1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho 1.5.1. Một số quy định cần tôn trọng khi hạch toán 1.5.2. Phương pháp hạch toán Bài thực hành số 5: Ghi sổ nhật ký chung và ghi sổ cái tài khoản 229.	2	2	[1] [2] [3]	- Đọc tài liệu [1]: chương 1, mục 1.5 - Làm bài tập chương 1, tài liệu [1] - [2]: Chương 3, mục 5, trang 133 - 137 - [3]: TK 229. - Ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 229.
7	Chương 2. Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định; nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn; định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư	2	2	[1] [2] [3]	- Đọc tài liệu [1]: chương 2, mục 2.1-2.4 - Làm bài tập chương 1, tài liệu [1] - Tra cứu tài liệu [2]: chương 4, mục 1,2,3 trang 138 – 164 - [3]: Nghiên cứu TK 211

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	dài hạn; lập được bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định Nội dung cụ thể: 2.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định 2.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định 2.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định 2.4. Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định Bài thực hành số 6: Định khoản và ghi sổ chi tiết tài khoản 211.				- Tìm hiểu một số tài sản cố định trong doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động. - Lập sổ chi tiết TK 211.
8	Kiểm tra giữa học phần Bài thực hành số 6 (tiếp): Định khoản và ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 211.	2	2	[1] [2] [3]	- Đọc tài liệu [1] chương 2 mục 2.1 - 2.4 - Tra cứu tài liệu [2], [3] - Xử lý bộ chứng từ về kế toán tài sản cố định
9	2.4. Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định (tiếp) Bài thực hành số 6 (tiếp): Định khoản và ghi sổ nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản 211.	2	2	[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] chương 2 mục 2.4 - Tra cứu tài liệu [2] chương 4, trang 148 -164 - Lập các sổ thẻ kế toán tài sản cố định.
10	2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định Bài thực hành số 7: Lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định; sổ khấu hao tài sản cố định.	2	2	[1] [2] [3]	- Đọc tài liệu [1] chương 3, mục 3.1 – 3.4 - Tài liệu [2]: Chương 4, mục 4 trang 165 – 175. - [3]: Tra cứu điều 35 Lập bảng phân bổ và sổ khấu hao tài sản cố định
11	2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định (tiếp) Bài thực hành số 7 (tiếp): Lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định; sổ khấu hao tài sản cố định.	2	2	[1] [2] [3]	Đọc tài liệu [1] chương 3, mục 3.1 - 3.4 [2]: Chương 4, mục 4 trang 165 - 175. [3]: Nghiên cứu điều 35 Định khoản, lập bảng và ghi sổ cái tài sản cố định

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
12	2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định 2.7. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài Bài thực hành số 8: Định khoản, ghi sổ tài khoản 2413.	2	2	[1] [2] [3]	[1]: Chương 3, mục 3.5 - 3.6. [2]: Chương 4, mục 5,6 trang 176 – 193. [3]: Nghiên cứu điều 38 Ghi sổ TK 2413.
13	2.8. Kế toán bất động sản đầu tư 2.9. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn 2.9.1. Kế toán đầu tư vào công ty con Bài thực hành số 9: Ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 221	2	2	[1] [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]: chương 3 [3]: Nghiên cứu điều 35 - 38
14	2.9.2. Kế toán vốn góp liên doanh, liên kết 2.9.3. Kế toán đầu tư dài hạn khác 2.9.4. Kế toán dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Bài thực hành số 10: Ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 222, 228	2	2	[1] [3]	[1]: Chương 3, mục 3.7 – 3.9 [3]: Nghiên cứu điều 36, 37 Ghi nhật ký chung và sổ cái TK 222, 228
15	2.10. Kế toán chi phí trả trước 2.11. Kế toán ký quỹ, ký cược Bài thực hành số 11: Ghi sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 242, 244	2	2	[1] [2] [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]: Chương 3 [2]: Chương 2, mục 3 trang 78 – 90. [3]: Điều 40 - 42

Hải Dương, ngày 02 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Minh Tuấn

Đinh Thị Kim Thiết